

**Phụ lục**  
**MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CHI TIỂU BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG**  
**CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 5 năm*  
*2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

| TT       | Nội dung chi                                                                                                                                                                  | Đơn vị tính         | Mức chi   |         |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|
|          |                                                                                                                                                                               |                     | Cấp tỉnh  | Cấp xã  |
| <b>I</b> | <b>Chi cho công tác thẩm tra, chỉnh lý nghị quyết cá biệt và thẩm tra các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét cho ý kiến, quyết định</b> |                     |           |         |
| 1        | Chi cho công tác thẩm tra, chỉnh lý nghị quyết cá biệt trình Hội đồng nhân dân tại kỳ họp                                                                                     |                     |           |         |
| a)       | Chi soạn thảo các báo cáo thẩm tra                                                                                                                                            | đồng/báo cáo        | 500.000   | 250.000 |
| b)       | Chi viết báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia thẩm tra, chỉnh lý nghị quyết                                                                                                       | đồng/báo cáo        | 500.000   | 250.000 |
| c)       | Chi cho việc chuẩn bị nội dung cần tập trung thảo luận cho ý kiến về nghị quyết                                                                                               | đồng/nghị quyết     | 400.000   | 200.000 |
| d)       | Chi cho việc xây dựng báo cáo tập hợp, tổng hợp ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân, các cơ quan tham gia góp ý về nghị quyết                                               | đồng/nghị quyết     | 700.000   | 350.000 |
| đ)       | Chi cho việc rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện nghị quyết trước và sau khi thông qua                                                                                     | đồng/nghị quyết     | 1.500.000 | 750.000 |
| e)       | Chi xây dựng, tổng hợp ý kiến thảo luận Tổ đại biểu (nếu có tổ chức thảo luận tại Tổ đối với dự thảo nghị quyết)                                                              | đồng/văn bản/kỳ họp | 500.000   | 250.000 |
| 2        | Chi cho công tác thẩm tra đối với các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐND                                                                                     | đồng/báo cáo        | 500.000   | 250.000 |

| TT        | Nội dung chi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị tính                                           | Mức chi   |         |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------|---------|
|           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                       | Cấp tỉnh  | Cấp xã  |
|           | xem xét cho ý kiến, quyết định (không bao gồm thẩm tra nội dung đăng ký xây dựng nghị quyết, thẩm tra danh mục văn bản quy định chi tiết và nội dung được giao theo quy định)                                                                                                                                                       |                                                       |           |         |
| <b>II</b> | <b>Chi cho công tác giám sát, khảo sát</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                       |           |         |
| 1         | Chi xây dựng văn bản về chương trình giám sát và thực hiện chương trình giám sát                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                       |           |         |
| a)        | Chi xây dựng tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân; báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân (chỉ áp dụng đối với Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh) | đồng/văn bản                                          | 1.800.000 | 900.000 |
| b)        | Chi xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân                                                                                                                                                                                           | đồng/văn bản                                          | 1.200.000 | 600.000 |
| 2         | Chi hoạt động giám sát thông qua xem xét các báo cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                       |           |         |
| a)        | Chi công tác thẩm tra các báo cáo theo quy định và theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân                                                                                                                                                                                                                              | Thực hiện theo quy định tại khoản 2 mục I Phụ lục này |           |         |
| b)        | Chi xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân, kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân về công tác của các cơ quan có báo cáo                                                                                                                                                                                                    | đồng/văn bản                                          | 1.200.000 | 600.000 |

| TT | Nội dung chi                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị tính        | Mức chi   |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------|---------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                    | Cấp tỉnh  | Cấp xã  |
| 3  | Chi cho hoạt động chất vấn, giải trình                                                                                                                                                                                                                                                    |                    |           |         |
| a) | Chi cho việc xây dựng các văn bản phục vụ hoạt động chất vấn, giải trình theo quy định (báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân về dự kiến nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn; quyết định lựa chọn các nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn; kế hoạch tổ chức phiên giải trình) | đồng/văn bản       | 1.200.000 | 600.000 |
| b) | Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến chất vấn trình Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân                                                                                                                                                                                      | đồng/báo cáo       | 1.200.000 | 600.000 |
| c) | Chi xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân về chất vấn, kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân về chất vấn, giải trình                                                                                                                                                             | đồng/văn bản       | 1.200.000 | 600.000 |
| d) | Chi xây dựng báo cáo việc thực hiện nghị quyết về chất vấn của Hội đồng nhân dân, kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân về chất vấn                                                                                                                                                  | đồng/báo cáo       | 1.800.000 | 900.000 |
| 4  | Chi cho công tác giám sát chuyên đề                                                                                                                                                                                                                                                       |                    |           |         |
| a) | Đối với hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân                                                                                                                                                                                                                                          |                    |           |         |
| -  | Chi xây dựng nghị quyết về việc thành lập đoàn giám sát                                                                                                                                                                                                                                   | đồng/ng nghị quyết | 1.400.000 | 700.000 |
| -  | Chi xây dựng đề cương báo cáo kết quả giám sát, đề cương giám sát                                                                                                                                                                                                                         | đồng/đề cương      | 1.600.000 | 800.000 |
| -  | Chi xây dựng báo cáo giám sát theo từng đợt giám sát                                                                                                                                                                                                                                      | đồng/báo cáo       | 1.800.000 | 900.000 |

| TT | Nội dung chi                                                                                                                                                                                    | Đơn vị tính     | Mức chi   |           |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|-----------|
|    |                                                                                                                                                                                                 |                 | Cấp tỉnh  | Cấp xã    |
| -  | Chi xây dựng báo cáo giám sát chung của đoàn giám sát                                                                                                                                           | đồng/báo cáo    | 4.000.000 | 2.000.000 |
| -  | Chi xây dựng nghị quyết về vấn đề được giám sát                                                                                                                                                 | đồng/nghị quyết | 4.000.000 | 2.000.000 |
| b) | Đối với hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân                                                                                                                                    |                 |           |           |
| -  | Chi xây dựng nghị quyết thành lập đoàn giám sát                                                                                                                                                 | đồng/nghị quyết | 1.000.000 | 500.000   |
| -  | Chi xây dựng đề cương báo cáo kết quả giám sát, đề cương giám sát                                                                                                                               | đồng/đề cương   | 1.600.000 | 800.000   |
| -  | Chi xây dựng báo cáo giám sát theo từng đợt giám sát                                                                                                                                            | đồng/báo cáo    | 1.200.000 | -         |
| -  | Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát chung của đoàn giám sát                                                                                                                                   | đồng/báo cáo    | 3.000.000 | 1.500.000 |
| -  | Chi xây dựng thông báo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân về giám sát chuyên đề                                                                                                         | đồng/thông báo  | 500.000   | 250.000   |
| -  | Chi xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân về vấn đề được giám sát (do Hội đồng nhân dân giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức giám sát và báo cáo Hội đồng nhân dân theo quy định) | đồng/nghị quyết | 1.200.000 | 600.000   |
| c) | Đối với hoạt động giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân                                                                                                                                        |                 |           |           |
| -  | Chi xây dựng quyết định thành lập đoàn giám sát                                                                                                                                                 | đồng/quyết định | 600.000   | 300.000   |
| -  | Chi xây dựng đề cương báo cáo kết quả giám sát, đề cương giám sát                                                                                                                               | đồng/đề cương   | 960.000   | 480.000   |
| -  | Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát chung của đoàn giám sát                                                                                                                                   | đồng/báo cáo    | 1.800.000 | 900.000   |

| TT | Nội dung chi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị tính                                        | Mức chi   |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------|---------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                    | Cấp tỉnh  | Cấp xã  |
| -  | Chi xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân về vấn đề được giám sát, thông báo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân về giám sát chuyên đề (đối với những nội dung Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân giao cho các Ban của Hội đồng nhân dân tổ chức giám sát và báo cáo Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân theo quy định) | đồng/ng nghị quyết                                 | 1.200.000 | 600.000 |
| d) | Mỗi Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi được Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giao thực hiện giám sát thì được khoán kinh phí để tổ chức thực hiện giám sát về vấn đề được giao                                                                                                                                              | đồng/Tổ đại biểu/vấn đề giám sát                   | 4.000.000 | -       |
| đ) | Chi cho thành viên tham gia đoàn giám sát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                    |           |         |
| -  | Trưởng đoàn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | đồng/buổi                                          | 200.000   | 100.000 |
| -  | Thành viên tham gia giám sát (theo danh sách mời)                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | đồng/người/buổi                                    | 100.000   | 50.000  |
| -  | Công chức, người lao động phục vụ đoàn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | đồng/người/buổi                                    | 50.000    | 30.000  |
| 5  | Chi cho công tác khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                    |           |         |
| a) | Chi xây dựng văn bản khảo sát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                    |           |         |
| -  | Chi xây dựng kế hoạch và đề cương khảo sát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | đồng/các văn bản                                   | 1.000.000 | 500.000 |
| -  | Chi xây dựng báo cáo kết quả khảo sát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | đồng/văn bản                                       | 1.200.000 | 600.000 |
| b) | Chi cho thành viên tham gia đoàn khảo sát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 4 Mục này |           |         |

| TT | Nội dung chi                                                                                                                                                                         | Đơn vị tính                                                   | Mức chi   |           |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------|-----------|
|    |                                                                                                                                                                                      |                                                               | Cấp tỉnh  | Cấp xã    |
| 6  | Chi giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri                                                                                                                           |                                                               |           |           |
| a) | Chi xây dựng báo cáo về kết quả giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân                                              | đồng/báo cáo                                                  | 1.800.000 | 900.000   |
|    | Riêng báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri trình Hội đồng nhân dân                                                                                               | đồng/báo cáo                                                  | 3.000.000 | 1.500.000 |
| b) | Chi xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân về việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri                                       | đồng/văn bản                                                  | 2.500.000 | 1.250.000 |
| 7  | Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân, báo cáo về kiến nghị giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân |                                                               |           |           |
| a) | Chi xây dựng báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về giám sát                                                       | Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Mục I Phụ lục này         |           |           |
| b) | Xây dựng báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân về tổng hợp kiến nghị giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân       | đồng/báo cáo                                                  | 1.800.000 | 900.000   |
| c) | Chi xây dựng nghị quyết về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về giám sát; nghị quyết về vấn đề được kiến nghị theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 59 Nghị quyết số   | Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Mục II Phụ lục này |           |           |

| TT | Nội dung chi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị tính                                                   | Mức chi   |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------|---------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                               | Cấp tỉnh  | Cấp xã  |
|    | 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân                                                                                                                                           |                                                               |           |         |
| 8  | Chi giám sát văn bản quy phạm pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                               |           |         |
| a) | Chi xây dựng báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 18, điểm c khoản 5 Điều 19 Nghị quyết số 115/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về giám sát văn bản quy phạm pháp luật | Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Mục I Phụ lục này         |           |         |
| b) | Chi xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân về việc xem xét văn bản quy phạm pháp luật; kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân về việc xem xét văn bản quy phạm pháp luật                                                                                                                                                         | Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Mục II Phụ lục này |           |         |
| c) | Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật của các Ban Hội đồng nhân dân theo định kỳ                                                                                                                                                                                                                             | đồng/báo cáo                                                  | 1.800.000 | 900.000 |
| 9  | Chi giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân                                                                                                                                                                                                                                       |                                                               |           |         |
| a) | Trường hợp cần thiết, tổ chức Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, Đoàn giám sát của các Ban của Hội đồng                                                                                                                                                                                                                   | Thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 4 Mục II Phụ lục này |           |         |

| TT         | Nội dung chi                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị tính                    | Mức chi   |           |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------|-----------|
|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                | Cấp tỉnh  | Cấp xã    |
|            | nhân dân để tiến hành giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân                                                                                                                                                              |                                |           |           |
| b)         | Chi xây dựng báo cáo giám sát việc giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo trình Thường trực Hội đồng nhân dân; chi xây dựng báo cáo kết quả tiếp công dân, xử lý đơn và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo định kỳ | đồng/báo cáo                   | 1.800.000 | 900.000   |
| <b>III</b> | <b>Chi tiếp xúc cử tri</b>                                                                                                                                                                                                                                                       |                                |           |           |
| 1          | Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri (hỗ trợ cho địa phương nơi đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri) nhằm trang trải chi phí cần thiết để tổ chức tiếp xúc cử tri như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống và các khoản chi khác                                       | đồng/điểm/đợt                  | 2.400.000 | 1.200.000 |
| 2          | Chế độ khoán tiếp xúc cử tri                                                                                                                                                                                                                                                     |                                |           |           |
|            | Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, thực hiện khoán chi tiếp xúc cử tri với mức chi như sau:                                                                                                                                                           |                                |           |           |
| a)         | Đại biểu Hội đồng nhân dân                                                                                                                                                                                                                                                       | đồng/năm                       | 2.400.000 | 1.200.000 |
|            | Riêng năm chuyên, giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức chi tương ứng                                                                                                                                               |                                |           |           |
| b)         | Cán bộ, công chức, nhân viên tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri                                                                                                                                                                                                                    | đồng/người/đợt tiếp xúc cử tri | 500.000   | 250.000   |

| TT        | Nội dung chi                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị tính                                                                                                                                                                                                                 | Mức chi  |         |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------|
|           |                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                             | Cấp tỉnh | Cấp xã  |
| 3         | Chi xây dựng báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri của các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân                                                                                                                           | đồng/báo cáo                                                                                                                                                                                                                | 200.000  | 100.000 |
| 4         | Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân                                                                                                                     | đồng/văn bản                                                                                                                                                                                                                | 600.000  | 300.000 |
| <b>IV</b> | <b>Chi tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh</b>                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                             |          |         |
| 1         | Chi tiếp công dân tại trụ sở hoặc địa điểm tiếp công dân                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                             |          |         |
| a)        | Đại biểu Hội đồng nhân dân                                                                                                                                                                                   | đồng/người/buổi                                                                                                                                                                                                             | 150.000  | 75.000  |
| b)        | Cán bộ, công chức được mời dự tiếp công dân                                                                                                                                                                  | đồng/người/buổi                                                                                                                                                                                                             | 80.000   | 40.000  |
| c)        | Cán bộ, công chức phục vụ tiếp công dân                                                                                                                                                                      | đồng/người/buổi                                                                                                                                                                                                             | 50.000   | 30.000  |
| 2         | Chi xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh                                                                                                                                                         | Thực hiện theo Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. |          |         |
| 3         | Chi xây dựng thông báo kết luận tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân                                                                                                                              | đồng/văn bản                                                                                                                                                                                                                | 500.000  | 250.000 |
| <b>V</b>  | <b>Chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hằng năm; chi xây dựng báo cáo, tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân; báo cáo định kỳ trình Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân</b> |                                                                                                                                                                                                                             |          |         |

| TT        | Nội dung chi                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị tính     | Mức chi    |         |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------|---------|
|           |                                                                                                                                                                                                                                               |                 | Cấp tỉnh   | Cấp xã  |
|           | <b>dân của các Ban của Hội đồng nhân dân (trừ các báo cáo, tờ trình quy định tại Mục I, Mục II Phụ lục này)</b>                                                                                                                               |                 |            |         |
| 1         | Chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hằng năm Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân                                                                                             | đồng/văn bản    | 1.200.000  | 600.000 |
| 2         | Chi xây dựng báo cáo, tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân; báo cáo định kỳ trình Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân của các Ban của Hội đồng nhân dân (trừ các báo cáo, tờ trình quy định tại Mục I, Mục II Phụ lục này) | đồng/văn bản    | 1.800.000  | 900.000 |
| 3         | Chi xây dựng đề án của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh                                                                                               | đồng/đề án      | 15.000.000 | -       |
| <b>VI</b> | <b>Chế độ công tác phí, hội nghị</b>                                                                                                                                                                                                          |                 |            |         |
|           | Ngoài chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc họp theo quy định hiện hành của Nhà nước. Chế độ chi trong một số trường hợp được quy định như sau:                                                                                    |                 |            |         |
| 1         | Chi kỳ họp                                                                                                                                                                                                                                    |                 |            |         |
| a)        | Người chủ trì                                                                                                                                                                                                                                 | đồng/người/buổi | 250.000    | 125.000 |
| b)        | Thư ký kỳ họp                                                                                                                                                                                                                                 | đồng/người/buổi | 200.000    | 100.000 |
| c)        | Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân (theo danh sách kèm theo giấy mời)                                                                                                                                  | đồng/người/buổi | 100.000    | 50.000  |
| d)        | Lái xe, nhân viên lễ tân, phục vụ nước, tạp vụ...                                                                                                                                                                                             | đồng/người/buổi | 50.000     | 30.000  |

| TT         | Nội dung chi                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị tính     | Mức chi   |           |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|-----------|
|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                 | Cấp tỉnh  | Cấp xã    |
| 2          | Chi các cuộc họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân; các phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân; các cuộc họp của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã để chuẩn bị cho kỳ họp Hội đồng nhân dân |                 |           |           |
| a)         | Người chủ trì                                                                                                                                                                                                                                                                                               | đồng/người/buổi | 200.000   | 100.000   |
| b)         | Thành viên dự họp theo danh sách họp                                                                                                                                                                                                                                                                        | đồng/người/buổi | 100.000   | 50.000    |
| c)         | Lái xe, nhân viên lễ tân, phục vụ nước, tạp vụ...                                                                                                                                                                                                                                                           | đồng/người/buổi | 50.000    | 30.000    |
| 3          | Chế độ chi kỳ họp, cuộc họp, phiên họp quy định tại khoản 1, khoản 2 Mục này không áp dụng đối với các kỳ họp, phiên họp, cuộc họp thẩm tra, xem xét, cho ý kiến, thông qua nghị quyết quy phạm pháp luật.                                                                                                  |                 |           |           |
| <b>VII</b> | <b>Chi hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân</b>                                                                                                                                                                                                                                                                |                 |           |           |
| 1          | Mỗi nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp tiền may 02 bộ lễ phục; đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được cấp tiền may 01 bộ lễ phục                                                                                                                                          | đồng/bộ         | 4.500.000 | 2.500.000 |
| 2          | Chế độ hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, nghỉ dưỡng hằng năm của đại biểu Hội đồng nhân dân                                                                                                                                                                                                           | đồng/người/năm  | 3.000.000 | 1.500.000 |

| TT          | Nội dung chi                                                                                                                                     | Đơn vị tính                                                                                                                                                                  | Mức chi   |         |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|
|             |                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                              | Cấp tỉnh  | Cấp xã  |
|             | Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức chi tương ứng.               |                                                                                                                                                                              |           |         |
| 3           | Chi hỗ trợ Tổ trưởng tổ đại biểu Hội đồng nhân dân                                                                                               | đồng/người/quý                                                                                                                                                               | 300.000   | 150.000 |
| 4           | Chi sinh hoạt tổ đại biểu Hội đồng nhân dân (02 lần/năm)                                                                                         | đồng/lần                                                                                                                                                                     | 500.000   | 250.000 |
| 5           | Chi hỗ trợ cho Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm                                     | đồng/người/tháng                                                                                                                                                             | 300.000   | -       |
| 6           | Chi hỗ trợ hàng tháng cho Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách | đồng/người/tháng                                                                                                                                                             | -         | 300.000 |
| 7           | Chi hỗ trợ cho đại biểu Hội đồng nhân dân về thông tin liên lạc, nghiên cứu tài liệu                                                             | đồng/người/tháng                                                                                                                                                             | 300.000   | 150.000 |
| 8           | Chi công tác phí cho đại biểu Hội đồng nhân dân khi tham gia hoạt động của Hội đồng nhân dân                                                     | Thực hiện theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi. |           |         |
| <b>VIII</b> | <b>Chế độ chi khác</b>                                                                                                                           |                                                                                                                                                                              |           |         |
| 1           | Chế độ chi đối với chuyên gia để phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân     | đồng/bài                                                                                                                                                                     | 2.000.000 | -       |

| TT | Nội dung chi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị tính | Mức chi   |           |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------|-----------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             | Cấp tỉnh  | Cấp xã    |
| 2  | Chế độ tặng quà được thực hiện với các đối tượng sau: các đối tượng chính sách - xã hội; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh; gia đình, cá nhân gặp rủi ro do thiên tai; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội khi Đoàn của Hội đồng nhân dân tổ chức thăm hỏi thì được tặng quà, mức giá trị quà tặng tối đa cho mỗi lần thăm hỏi được quy định như sau |             |           |           |
| a) | Đối với tập thể                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | đồng/lần    | 3.000.000 | 1.500.000 |
| b) | Đối với cá nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | đồng/lần    | 600.000   | 300.000   |
| 3  | Chế độ chi may lễ phục, trang phục: Mỗi nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (trực tiếp phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân) được cấp tiền may 01 bộ trang phục, lễ phục                                                                                                                                                                                               | đồng/bộ     | 4.000.000 | -         |
| 4  | Chế độ tặng quà khi kết thúc nhiệm kỳ, chuyển công tác sang cơ quan khác và nghỉ hưu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |           |           |

| TT | Nội dung chi                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị tính    | Mức chi   |           |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------|-----------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                | Cấp tỉnh  | Cấp xã    |
| a) | Đại biểu Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức, người lao động công tác tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã (trực tiếp phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân) được tặng quà khi kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân    | đồng/người     | 2.000.000 | 1.000.000 |
| b) | Đại biểu Hội đồng nhân dân; cán bộ, công chức, người lao động công tác tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã (trực tiếp phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân) khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà | đồng/người     | 1.000.000 | 500.000   |
| 5  | Chế độ thăm hỏi, trợ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                |           |           |
| a) | Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân                                                                                                                                                                                                                                                                        |                |           |           |
| -  | Đại biểu Hội đồng nhân dân khi ốm đau được chi tiền thăm hỏi                                                                                                                                                                                                                                              | đồng/người/lần | 1.000.000 | 500.000   |
| -  | Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị bệnh hiểm nghèo thì được chi trợ cấp (không quá 2 lần/người/năm)                                                                                                                                                                                                 | đồng/người/lần | 4.000.000 | 2.000.000 |
| -  | Chi thăm hỏi, trợ cấp cán bộ lão thành cách mạng; lãnh đạo (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã); lãnh đạo Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân qua các thời kỳ                                                                                                                                           | đồng/người/lần | 1.000.000 | 500.000   |
| -  | Chi thăm viếng đại biểu Hội đồng nhân dân; các vị nguyên là                                                                                                                                                                                                                                               | đồng           | 2.000.000 | 1.000.000 |

| TT | Nội dung chi                                                                                                                                                                                               | Đơn vị tính          | Mức chi   |           |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------|-----------|
|    |                                                                                                                                                                                                            |                      | Cấp tỉnh  | Cấp xã    |
|    | đại biểu Hội đồng nhân dân; cha, mẹ đẻ, cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng) của đại biểu Hội đồng nhân dân khi từ trần                                                                                          |                      |           |           |
| b) | Đối với cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã (trực tiếp phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân) |                      |           |           |
| -  | Chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp đối với cán bộ, công chức, người lao động đương nhiệm, nghỉ hưu                                                                                                            | đồng/người/lần       | 1.000.000 | 500.000   |
| -  | Riêng trường hợp bị bệnh hiểm nghèo, khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn ...thì được trợ cấp                                                                                                          | đồng/người/lần       | 4.000.000 | 2.000.000 |
| 6  | Chi hỗ trợ cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân                                                        |                      |           |           |
| a) | Cán bộ, công chức                                                                                                                                                                                          | đồng/người/<br>tháng | 1.000.000 | -         |
| b) | Người lao động                                                                                                                                                                                             | đồng/người/<br>tháng | 900.000   | -         |